

Bản án số: 585/2024/DS-PT
Ngày: 21/11/2024
*Về việc tranh chấp hợp đồng
góp hụi*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 21/11/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 378/2024/TLPT-DS ngày 18/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 26/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4244/2024/QĐXXPT-DS ngày 30/10/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: số 322, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: số 368, ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 22/7/2024)

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng M, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:

Bà làm chủ hội, ông Nguyễn Hoàng M có tham gia chơi hội cụ thể: ngày 24/04/2023 dương lịch nhằm ngày 05/03/2023 âm lịch, bà có khui 70 dây hội, ông M tham gia chơi 70 dây mỗi dây 1.000.000 đồng. Mỗi dây ông M tham gia chơi một phần. Ông M hốt đầu 70 phần trong 70 dây hội với số tiền là 838.600.000 đồng, có giấy giao hội do ông M ký nhận. Ông M đã đóng hội chết được 6 tháng còn lại 10 tháng, mỗi tháng 70.000.000 đồng. Ngày 05/07/2024 là mãn hội. Tính đến nay ông M còn nợ bà số tiền hội là 700.000.000 đồng. Bà khởi kiện yêu cầu ông M trả cho bà 700.000.000 đồng tiền nợ hội, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng M trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông M đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông M, đồng thời cũng không thể tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông M là ông Trương Văn T trình bày: ông M có tham gia chơi tất cả các dây hội do bà C trình bày, ông M thừa nhận còn nợ bà C số tiền nợ hội 700.000.000 đồng, ông M đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ trên.

Ngày 26/7/2024, Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Buộc ông Nguyễn Hoàng M phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị C số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/7/2024, bị đơn ông Nguyễn Hoàng M kháng cáo. Theo đơn kháng cáo, ông M yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận phương thức thanh toán nợ của ông cho bà Trần Thị C, cụ thể cho ông M trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thanh toán hết số nợ cho bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hoàng M là ông Trương

Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Nguyên đơn bà Trần Thị C không đồng ý cho ông M trả dần theo nội dung đơn kháng cáo của ông; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng M; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Hoàng M kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nhận thấy, bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng M trả cho bà tiền nợ hụi 700.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là các giấy giao hụi có ông M ký nhận. Phía ông M thừa nhận có tham gia chơi tất cả các dây hụi như bà C trình bày và thừa nhận còn nợ bà C số tiền nợ hụi 700.000.000 đồng như bà C khởi kiện. Ông M cũng đồng ý trả tiền cho bà C nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Như vậy, có cơ sở xác định giữa bà Trần Thị C và ông Nguyễn Hoàng M có xác lập và thực hiện hợp đồng góp hụi với tổng 70 dây hụi, mỗi dây 1.000.000 đồng, ông M tham gia chơi 70 dây, mỗi dây tham gia chơi một phần. Hợp đồng góp hụi giữa các bên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên đây được xem là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Ông M đã hót hụi đầu 70 phần trong 70 dây hụi với số tiền là 838.600.000 đồng. Ông M đã đóng hụi chết được 6 tháng còn lại 10 tháng chưa đóng, mỗi tháng 70.000.000 đồng. Ngày 05/07/2024 mãn hụi nhưng ông M vẫn chưa đóng hụi chết của 10 tháng còn lại cho bà C với tổng số tiền là 700.000.000 đồng.

Xét thấy, việc ông Nguyễn Hoàng M chậm thanh toán nợ hụi đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị C nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C là phù hợp. Ông M đồng ý trả nợ cho bà C nhưng kháng cáo tiếp tục xin được trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bà C vẫn không đồng ý cho ông

M trả dân nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để ghi nhận. Do đó, không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của ông M.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Hoàng M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[5] Về điều luật áp dụng: Xét thấy tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng góp hụi, không phải tranh chấp hợp đồng vay tài sản nhưng Toà án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 để xét xử là chưa phù hợp. Vì vậy, Toà án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 26/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hộ, hụi, biếu, phưởng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị C đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng M về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc ông Nguyễn Hoàng M có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị C số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu) đồng. Ghi nhận việc bà C không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu) đồng.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng M phải chịu án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003011 ngày 05/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Chánh án TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt